

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Địa chỉ: Số 30 Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Tel: (84-4) 3 944 6666 Fax: (84-4) 3 944 6969

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia (sau đây là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

MỤC LỤC

NỘI DUNG

TRANG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

02 - 03

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

04

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

05 - 07

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

08

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

09

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU GIỮA NIÊN ĐỘ

10

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

11 - 31

Bà Trần Quỳnh Anh Thành viên

Bà Phan Thị Mai Hương Thành viên

Trích nhiệm vụ Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty sẽ trình nhiệm vụ báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 (phần hai) một cách trung thực và hợp lý theo hình thức chi tiết từ ngày 30/06/2015 về kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ cũng như các thông tin chuyển tiền tệ giữa niên độ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động kết thúc cùng ngày.

Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính hợp lý về các sự kiện xảy ra và liên quan;
- Nếu có các nguyên tắc kế toán khác nhau thì được ưu tiên hay không, có những áp dụng sai lệch trong yêu cầu được công bố và giải thích trong các tài chính hay không;
- Lập các Báo cáo tài chính trung thực và trung thực dựa trên các dữ liệu thực tế hoạt động của Công ty không được làm báo cáo.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia (gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát điều hành Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015 và đến ngày lập Báo cáo này, gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Lê Thanh	Chủ tịch
Ông Lê Thanh Hà	Thành viên
Bà Trần Thị Thu Hương	Thành viên thường trực

Ban Tổng Giám đốc

Bà Trần Thị Thu Hương	Quyền Tổng Giám đốc
Ông Phan Văn Huy	Phó Tổng giám đốc
Ông Đỗ Trung Sơn	Phó Tổng giám đốc
Bà Ngô Hà Chi	Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng

Ban Kiểm soát

Ông Đoàn Danh Hưng	Trưởng ban
Bà Trần Quỳnh Anh	Thành viên
Bà Phan Thị Mai Hương	Thành viên

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 30/06/2015 và kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động kết thúc cùng ngày.

Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi việc tiếp tục hoạt động của Công ty không được đảm bảo; và

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

(tiếp theo)

- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp, đầy đủ để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập và trình bày phù hợp với quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20/10/2010 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA



Trần Thị Thu Hương
 Thành viên thường trực Hội đồng quản trị kiêm Quyền Tổng Giám đốc
 Hà Nội, ngày 15 tháng 07 năm 2015

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam đã thực hiện công tác soát xét Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/06/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 được lập ngày 15 tháng 07 năm 2015 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia (sau đây gọi tắt là "Công ty") được trình bày từ trang 05 đến trang 31 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các chính sách kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20/10/2010 của Bộ Tài chính và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo kết quả công tác soát xét được lập thành 06 bản tiếng Việt, Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia giữ 05 bản Tiếng Việt, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam giữ 01 bản Tiếng Việt, các bản có giá trị pháp lý như nhau.



Phạm Ngọc Toán

Phạm Ngọc Toán

Phó Tổng giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0024-2013-034-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Đặng Thị Thu Huyền

Đặng Thị Thu Huyền

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1410-2013-034-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	30/06/2015	01/01/2015
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		168.105.327.671	134.549.520.757
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	122.269.066.046	91.052.299.204
1. Tiền	111		113.603.066.046	67.752.299.204
2. Các khoản tương đương tiền	112		8.666.000.000	23.300.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		18.008.427.748	12.007.389.748
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.3.1	18.014.025.356	12.013.805.156
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư NH	129	V.3.3	(5.597.608)	(6.415.408)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	V.4	26.477.238.753	30.305.272.917
1. Phải thu của khách hàng	131		102.000.000	79.750.000
2. Trả trước cho người bán	132		167.346.650	224.000.000
4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	134		36.855.561.439	40.941.356.250
5. Các khoản phải thu khác	135		352.330.664	60.166.667
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(11.000.000.000)	(11.000.000.000)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.350.595.124	1.184.558.888
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		177.401.437	12.865.201
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	V.5	1.166.193.687	1.166.193.687
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		7.000.000	5.500.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		37.629.223.731	37.124.156.413
II. Tài sản cố định	220		1.265.148.725	1.084.191.384
1. TSCĐ hữu hình	221	V.6	659.815.398	366.858.055
- Nguyên giá	222		4.651.577.745	4.237.977.745
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.991.762.347)	(3.871.119.690)
3. TSCĐ vô hình	227	V.7	605.333.327	717.333.329
- Nguyên giá	228		2.696.699.470	2.696.699.470
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.091.366.143)	(1.979.366.141)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		28.350.032.300	28.350.041.800
3. Đầu tư chứng khoán dài hạn	253	V.3.2	245.445	245.445
4. Đầu tư dài hạn khác	258	V.8	28.350.000.000	28.350.000.000
5. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259	V.3.3	(213.145)	(203.645)
V. Tài sản dài hạn khác	260		8.014.042.706	7.689.923.229
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9	1.498.357.891	2.004.604.659
3. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	263	V.10	6.220.488.187	5.390.121.942
4. Tài sản dài hạn khác	268	VII.3.1	295.196.628	295.196.628
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		205.734.551.402	171.673.677.170

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính giữa niên độ này)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	30/06/2015	01/01/2015
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		71.265.808.315	34.513.139.565
I. Nợ ngắn hạn	310		71.265.808.315	34.513.139.565
2. Phải trả người bán	312		182.986.005	11.521.720
3. Người mua trả tiền trước	313	VII.3.2	1.222.029.010	869.879.010
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.11	901.609.768	1.161.197.421
6. Chi phí phải trả	316	V.12	1.018.537.517	529.152.527
8. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320	V.13	-	1.348.740.850
9. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321		41.902.125	-
11. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	328	V.14	67.898.743.890	30.592.648.037
II. Nợ dài hạn	330		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		134.468.743.087	137.160.537.605
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.15	134.468.743.087	137.160.537.605
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		135.000.000.000	135.000.000.000
4. Cổ phiếu quỹ	414		(5.715.000.000)	(5.715.000.000)
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		21.759.119	21.759.119
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		21.759.119	21.759.119
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		5.140.224.849	7.832.019.367
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		205.734.551.402	171.673.677.170

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính giữa niên độ này)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	MÃ SỐ	30/06/2015	01/01/2015
6. Chứng khoán lưu ký	006	278.521.300.000	217.760.900.000
6.1 Chứng khoán giao dịch	007	239.165.600.000	190.980.100.000
- Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	008	7.500.000	7.350.000
- Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	009	239.158.100.000	190.972.750.000
6.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	012	6.780.000.000	8.480.000.000
- Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	014	6.780.000.000	8.480.000.000
6.5 Chứng khoán chờ thanh toán	027	32.575.700.000	18.300.800.000
- Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	029	32.575.700.000	18.300.800.000
7. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết	050	88.205.000.000	81.537.570.000
7.1 Chứng khoán giao dịch	051	81.479.890.000	74.078.600.000
- Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	052	190.000	190.000
- Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	053	81.479.700.000	74.078.410.000
7.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	056	6.719.110.000	7.208.970.000
- Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký	057	6.719.110.000	7.208.970.000
7.5 Chứng khoán chờ thanh toán	071	6.000.000	250.000.000
- Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	073	6.000.000	250.000.000

Hà Nội, ngày 15 tháng 07 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Thành viên thường trực

Hội đồng quản trị

Quyền Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Khanh



Ngô Hà Chi



Trần Thị Thu Hương

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2015 đến 30/06/2015	Từ ngày 01/01/2014 đến 30/06/2014
1. Doanh thu	01	VI.16	8.467.541.064	11.985.462.727
<i>Trong đó:</i>				
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		3.945.496.181	7.108.392.875
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2		264.600	231.900
- Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		2.603.025.411	1.598.894.127
- Doanh thu lưu ký chứng khoán	01.6		108.040.472	179.809.942
- Doanh thu khác	01.9		1.810.714.400	3.098.133.883
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	10		8.467.541.064	11.985.462.727
(10 = 01 - 02)				
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	11	VI.17	7.221.973.031	5.946.878.606
5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh	20		1.245.568.033	6.038.584.121
(20 = 10 - 11)				
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.18	3.937.453.306	3.178.694.289
7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(2.691.885.273)	2.859.889.832
(30 = 20 - 25)				
8. Thu nhập khác	31		90.755	2.200
9. Chi phí khác	32		-	-
10. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		90.755	2.200
11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(2.691.794.518)	2.859.892.032
(50 = 30 + 40)				
12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.19	-	571.932.026
13. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(2.691.794.518)	2.287.960.006
(60 = 50 - 51 - 52)				
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.20	(204)	174

Hà Nội, ngày 15 tháng 07 năm 2015

Người lập biểu



Nguyễn Thị Khanh

Kế toán trưởng



Ngô Hà Chi

Thành viên thường trực

Hội đồng quản trị

Quyền Tổng Giám đốc



Trần Thị Thu Hương

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TM	Từ ngày 01/01/2015 đến 30/06/2015	Từ ngày 01/01/2014 đến 30/06/2014
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	Lợi nhuận trước thuế	01		(2.691.794.518)	2.859.892.032
2.	Điều chỉnh cho các khoản				
-	Khấu hao tài sản cố định	02		232.642.659	302.998.518
-	Các khoản dự phòng	03		(808.300)	(963.548)
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.632.798.194)	(2.694.177.705)
3.	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn	08		(4.092.758.353)	467.749.297
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09		4.178.864.828	(2.374.919.866)
-	Tăng, giảm hàng tồn kho, chứng khoán đầu tư	10		(220.200)	(30.000)
-	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		36.574.487.944	22.326.198.035
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12		341.710.532	(183.576.664)
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		178.180.806	-
-	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(520.927.371)	-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		36.659.338.186	20.235.420.802
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(413.600.000)	-
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(18.000.000.000)	-
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		12.000.000.000	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		971.028.656	2.539.291.039
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(5.442.571.344)	2.539.291.039
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		31.216.766.842	22.774.711.841
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		91.052.299.204	76.569.360.175
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	V.1	122.269.066.046	99.344.072.016

Hà Nội, ngày 15 tháng 07 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Thành viên thường trực

Hội đồng quản trị

Quyền Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Khanh



Ngô Hà Chi



Trần Thị Thu Hương

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Địa chỉ: Số 30 Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Tel: (84-4) 3 944 6666

Fax: (84-4) 3 944 6969

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015

đến ngày 30/06/2015

Mẫu số B 05a - CTCK

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số dư đầu kỳ		Số tăng/giảm				Số dư cuối kỳ	
		Ngày 01/01/2015	Ngày 01/01/2014	Từ ngày 01/01/2015 đến 30/06/2015		Từ ngày 01/01/2014 đến 30/06/2014		Ngày 30/06/2015	Ngày 30/06/2014
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	V.14	135.000.000.000	135.000.000.000	-	-	-	-	135.000.000.000	135.000.000.000
4. Cổ phiếu quỹ	V.14	(5.715.000.000)	(5.715.000.000)	-	-	-	-	(5.715.000.000)	(5.715.000.000)
8. Quỹ dự phòng tài chính	V.14	21.759.119	-	-	-	-	-	21.759.119	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	V.14	21.759.119	-	-	-	-	-	21.759.119	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	V.14	7.832.019.367	7.440.355.219	-	(2.691.794.518)	2.287.960.006	-	5.140.224.849	9.728.315.225
Tổng cộng		137.160.537.605	136.725.355.219	-	(2.691.794.518)	2.287.960.006	-	134.468.743.087	139.013.315.225

Hà Nội, ngày 15 tháng 07 năm 2015

Người lập biểu

Nguyễn Thị Khanh

Nguyễn Thị Khanh

Kế toán trưởng

Ngô Hà Chi

Ngô Hà Chi

Thành viên thường trực Hội đồng quản trị



Trần Thị Thu Hương

Mẫu B09a - CTCK

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia (gọi tắt là "Công ty") thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 58/UBCK-GPHĐKD ngày 06 tháng 07 năm 2007. Công ty đã có 02 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 30 Nguyễn Du, phường Bùi Thị Xuân, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

Theo Giấy phép điều chỉnh số 80/GPĐC-UBCK ngày 19 tháng 4 năm 2012 thì:

- Vốn Điều lệ theo đăng ký: **135.000.000.000 VND** (Một trăm ba mươi lăm tỷ đồng)
- Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

2. Ngành nghề kinh doanh

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán./.

Trụ sở Công ty tại: Số 30 Nguyễn Du, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Điện thoại: (84-4) 3 944 6666 Fax: (84-4) 3 944 6969.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Công ty lập Báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các chính sách kế toán ban hành theo Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20/10/2010 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015
(tiếp theo)

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ và các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và các khoản chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành áp dụng đối với Công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính, sử dụng phần mềm kế toán Bravo.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam ("VND"), phù hợp với quy định tại Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó đến thời điểm lập Báo cáo tài chính.

2. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

2.1 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao Tài sản cố định. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động kinh doanh của Công ty gồm:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015
(tiếp theo)

<i>Loại tài sản cố định</i>	<i>Thời gian khấu hao <năm></i>
Phương tiện vận tải	06
Thiết bị dụng cụ quản lý	05 - 07

2.2 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm: Phần mềm giao dịch và phần mềm kế toán.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định vô hình theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao Tài sản cố định. Kế toán TSCĐ vô hình được phân loại theo nhóm tài sản cố cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động kinh doanh của Công ty gồm:

<i>Loại tài sản cố định</i>	<i>Thời gian khấu hao <năm></i>
Phần mềm kế toán, phần mềm giao dịch	04 - 05

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm các khoản đầu tư chứng khoán để bán và các khoản đầu tư dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc, bắt đầu từ ngày góp vốn đầu tư.

3.1 Chứng khoán đầu tư

Chứng khoán đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Cổ tức và trái tức nhận được trong năm tài chính được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền để tính giá vốn cổ phiếu bán ra.

Khi giá trị thuần của có thể thực hiện được của chứng khoán đầu tư ngắn hạn, dài hạn giảm xuống thấp hơn giá gốc Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 06/10/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư chỉ được trích lập đối với các chứng khoán đầu tư tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Giá trị thị trường của chứng khoán vốn niêm yết được xác định trên cơ sở giá tham khảo khớp lệnh đóng cửa tại ngày 30/06/2015. Tại thời điểm 30/06/2015, Công ty đã lập bổ sung dự phòng theo số chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay cao hơn số dự phòng đã lập năm trước.

3.2 Đầu tư tài chính dài hạn khác

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn của Công ty bao gồm đầu tư vào Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Phú Điền để thực hiện 02 Dự án: Dự án xử lý nước thải Từ Sơn và Dự án xử lý nước thải Cửa Lò và đầu tư góp vốn Công ty Cổ phần Công nghiệp Khoáng sản Vị Xuyên được ghi nhận theo giá gốc, bắt đầu từ ngày góp vốn đầu tư.

Mẫu B09a - CTCK

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

(tiếp theo)

4. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác

Chi phí trả trước được vốn hoá để phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ bao gồm công cụ dụng cụ và chi phí máy móc thiết bị văn phòng... có thời gian phân bổ từ 12 - 24 tháng.

5. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí thực tế phát sinh không gây đột biến cho chi phí kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

6. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lãi từ hoạt động của Công ty sau khi trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm nay.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc huỷ cổ phiếu quỹ.

7. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu cung cấp các dịch vụ chứng khoán như: môi giới chứng khoán, đầu tư chứng khoán, tư vấn và doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được xác định khi dịch vụ hoàn thành và được khách hàng chấp nhận thanh toán, phù hợp với 4 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

Doanh thu từ việc thu cổ tức được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

Doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

8. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

8.1 Ghi nhận các khoản phải thu, phải trả

Các khoản phải thu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Trong kỳ công ty thu được một phần công nợ phải thu về Hợp đồng hợp tác đầu tư đã trích lập dự phòng. Việc xem xét hoàn nhập hay trích lập thêm dự phòng sẽ được Công ty thực hiện vào cuối năm tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

(tiếp theo)

8.2 Các nghĩa vụ về thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất thuế GTGT là 10% đối với dịch vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp và không chịu thuế GTGT đối với dịch vụ kinh doanh chứng khoán.

Thuế Thu nhập doanh nghiệp:

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 22% trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định Thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác:

Các loại thuế, phí khác Công ty thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

8.3 Nguyên tắc ghi nhận chi phí hoạt động kinh doanh

Chi phí hoạt động kinh doanh của Công ty gồm: Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán, chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn, chi phí hoạt động tư vấn, chi phí hoạt động lưu ký chứng khoán và chi phí trực tiếp chung.

Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán, chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn, chi phí hoạt động tư vấn, chi phí hoạt động lưu ký chứng khoán và chi phí trực tiếp chung được xác định theo chi phí thực tế phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

Mẫu số B 09a - CTCK

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

(tiếp theo)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	2.169.200.785	212.125.020
Tiền gửi ngân hàng	111.433.865.261	67.540.174.184
- Tiền gửi Ngân hàng	43.547.230.508	35.574.032.772
- Tiền gửi về giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư	67.886.634.753	30.584.431.877
- Tiền gửi về đặt cọc mua cổ phần của nhà đầu tư	-	1.381.709.535
Các khoản tương đương tiền	8.666.000.000	23.300.000.000
- Tiền gửi Ngân hàng có kỳ hạn dưới 03 tháng tại các Ngân hàng thương mại (i)	8.666.000.000	23.300.000.000
Tổng cộng	122.269.066.046	91.052.299.204

(i) Là khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 03 tháng tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội.

2. Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm

Chỉ tiêu	Khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ VND
Của Công ty Chứng khoán	-	-
- Cổ phiếu	-	-
Của nhà đầu tư	178.347.875	2.630.330.513.400
- Cổ phiếu	178.347.875	2.630.330.513.400
Tổng cộng	178.347.875	2.630.330.513.400

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015
 (tiếp theo)

3. Đầu tư tài chính

3.1 Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

Chi tiêu	Số lượng		Giá trị theo sổ kế toán		So với giá trị trường				Tổng giá trị theo giá trị trường	
	01/01/2015		01/01/2015		Tăng		Giảm		01/01/2015	
	30/06/2015	01/01/2015	30/06/2015	01/01/2015	30/06/2015	01/01/2015	30/06/2015	01/01/2015	30/06/2015	01/01/2015
I. Chứng khoán thương mại										
Chứng khoán niêm yết										
- ACB	21	21	14.025.356	13.805.156	2.342.352	1.836.052	5.597.608	6.415.408	10.770.100	9.225.800
- BVS	60	60	14.025.356	13.805.156	2.342.352	1.836.052	5.597.608	6.415.408	10.770.100	9.225.800
- HPC	97	97	476.776	476.776	-	-	46.276	153.376	430.500	323.400
- KLS	98	98	1.980.000	1.980.000	-	-	1.068.000	1.164.000	912.000	816.000
- PVI	41	41	1.269.018	1.269.018	-	-	900.418	813.118	368.600	455.900
- PVS	51	51	1.372.000	1.372.000	-	-	431.200	343.000	940.800	1.029.000
- PVX	36	36	865.556	879.000	492.900	492.900	189.056	135.756	676.500	729.800
- SDC	86	86	700.000	700.000	-	-	556.000	527.200	144.000	172.800
- SHN	85	85	550.400	550.400	739.600	481.600	569.500	1.368.500	1.130.500	331.500
- VCG	83	83	1.700.000	1.700.000	-	-	1.691.380	1.766.080	1.128.800	1.054.100
- VCS	40	40	2.820.180	2.820.180	-	-	559.000	1.766.080	1.324.000	1.084.000
- CSM	3	3	525.000	525.000	799.000	559.000	-	-	117.000	129.000
- DIG	5	5	75.000	75.000	42.000	54.000	-	-	60.000	52.400
- DTL	7	7	187.778	187.778	-	-	127.778	135.378	63.000	-
- SEC	10	10	60.200	-	2.800	-	18.000	9.000	117.000	126.000
- SRC	11	11	135.000	135.000	-	-	232.000	-	273.900	374.000
- STB	8	8	142.000	142.000	131.900	232.000	-	-	148.800	144.000
- TCM	8	8	127.448	127.448	21.352	16.552	-	-	272.800	-
- TCM	8	8	160.000	160.000	112.800	-	-	-	-	-
II. Đầu tư ngắn hạn khác										
- Tiền gửi kỳ hạn từ 03 tháng đến dưới 01 năm			18.000.000.000	12.000.000.000	-	-	-	-	18.000.000.000	12.000.000.000
- Tiền gửi kỳ hạn từ 03 tháng đến dưới 01 năm			18.000.000.000	12.000.000.000	-	-	-	-	18.000.000.000	12.000.000.000
Tổng cộng			18.014.025.356	12.013.805.156	2.342.352	1.836.052	5.597.608	6.415.408	18.010.770.100	12.009.225.800

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Địa chỉ: Số 30 Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Tel: (84-4) 3 944 6666 Fax: (84-4) 3 944 6969

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015

đến ngày 30/06/2015

Mẫu số B 09a - CTCK

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

(tiếp theo)

3.2 Đầu tư chứng khoán dài hạn

Chỉ tiêu	Số lượng		Giá trị theo sổ kế toán		Số với giá thị trường				Tổng giá trị theo giá thị trường	
	01/01/2015		01/01/2015		Tăng		Giảm		01/01/2015	
	30/06/2015	01/01/2015	30/06/2015	01/01/2015	30/06/2015	01/01/2015	30/06/2015	01/01/2015	30/06/2015	01/01/2015
			VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
I. Chứng khoán sẵn sàng để bán			245.445	245.445	-	-	213.145	203.645	32.300	41.800
Chứng khoán niêm yết			245.445	245.445	-	-	213.145	203.645	32.300	41.800
- MMC	19	19	245.445	245.445	-	-	213.145	203.645	32.300	41.800
Tổng cộng			245.445	245.445	-	-	213.145	203.645	32.300	41.800

Mẫu số B 09a - CTCK

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

(tiếp theo)

3.3 Dự phòng giảm giá chứng khoán

- Dự phòng giảm giá chứng khoán ngắn hạn

Chứng khoán	Số lượng	Giá trị ghi sổ VND	Giảm giá so với thị trường VND	Tổng giá trị thị trường VND
Cổ phiếu niêm yết				
ACB	21	476.776	(46.276)	430.500
BVS	60	1.980.000	(1.068.000)	912.000
HPC	97	1.269.018	(900.418)	368.600
KLS	98	1.372.000	(431.200)	940.800
PVI	41	865.556	(189.056)	676.500
PVX	36	700.000	(556.000)	144.000
SHN	85	1.700.000	(569.500)	1.130.500
VCG	83	2.820.180	(1.691.380)	1.128.800
DIG	5	187.778	(127.778)	60.000
SEC	10	135.000	(18.000)	117.000
Tổng cộng		11.506.308	(5.597.608)	5.908.700

- Dự phòng giảm giá chứng khoán dài hạn

Chứng khoán	Số lượng	Giá trị ghi sổ VND	Giảm giá so với thị trường VND	Tổng giá trị thị trường VND
Cổ phiếu niêm yết				
MMC	19	245.445	(213.145)	32.300
Tổng cộng		245.445	(213.145)	32.300

(*) Giá trị thị trường của chứng khoán vốn niêm yết được xác định trên cơ sở giá tham khảo khớp lệnh đóng cửa tại ngày 30/06/2015.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015
 (tiếp theo)

4. Các khoản phải thu ngắn hạn
4.1 Các khoản phải thu ngắn hạn

Chi tiêu	01/01/2015		Số phát sinh trong kỳ		30/06/2015		Tổng số dự phòng VND
	Tổng số VND	Số quá hạn VND	Tăng VND	Giảm VND	Tổng số VND	Số quá hạn VND	
Phải thu của khách hàng	79.750.000	-	184.500.000	162.250.000	102.000.000	-	-
- Phải thu dịch vụ tư vấn	79.750.000	-	184.500.000	162.250.000	102.000.000	-	-
Trả trước cho người bán	224.000.000	-	180.984.416	237.637.766	167.346.650	-	-
- Ứng trước cho nhà cung cấp	224.000.000	-	180.984.416	237.637.766	167.346.650	-	-
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	40.941.356.250	-	336.031.543.064	340.117.337.875	36.855.561.439	-	(11.000.000.000)
- Phải thu khách hàng ứng trước tiền bán	388.193.066	-	284.646.739.600	280.721.803.503	4.313.129.163	-	-
- Phải thu về hợp đồng hợp tác đầu tư (i)	40.510.367.600	-	-	8.036.000.000	32.474.367.600	-	(11.000.000.000)
- Phải thu khách hàng phí giao dịch chứng khoán	42.795.584	-	1.933.946.317	1.908.677.225	68.064.676	-	-
- Phải thu khách hàng về giao dịch chứng khoán khác	-	-	49.450.857.147	49.450.857.147	-	-	-
Các khoản phải thu khác	60.166.667	-	538.072.486	245.908.489	352.330.664	-	-
- Phải thu lãi tiền gửi, tiền cho vay	60.166.667	-	538.072.486	245.908.489	352.330.664	-	-
Tổng cộng	41.305.272.917	-	336.935.099.966	340.763.134.130	37.477.238.753	-	(11.000.000.000)

(i) Chi tiết tại Thuyết minh số V. 4.2

Mẫu số B 09a - CTCK

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

(tiếp theo)

4.2 Dự phòng các khoản phải thu khó đòi

	Từ ngày 01/01/2015 đến 30/06/2015	Từ ngày 01/01/2014 đến 30/06/2014
	VND	VND
- Số dư đầu kỳ	(11.000.000.000)	(11.000.000.000)
- Số sử dụng trong kỳ	-	-
- Số trích lập trong kỳ	-	-
- Số dư cuối kỳ	(11.000.000.000)	(11.000.000.000)

5. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	1.166.193.687	1.166.193.687
Tổng cộng	1.166.193.687	1.166.193.687

6. Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Đơn vị tính: VND
			Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình			
Số dư ngày 01/01/2015	1.623.734.000	2.614.243.745	4.237.977.745
Mua trong kỳ	-	413.600.000	413.600.000
Số dư ngày 30/06/2015	1.623.734.000	3.027.843.745	4.651.577.745
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư ngày 01/01/2015	1.293.141.500	2.577.978.190	3.871.119.690
Khấu hao trong kỳ	94.455.000	26.187.657	120.642.657
Số dư ngày 30/06/2015	1.387.596.500	2.604.165.847	3.991.762.347
Giá trị còn lại			
- Tại ngày 01/01/2015	330.592.500	36.265.555	366.858.055
- Tại ngày 30/06/2015	236.137.500	423.677.898	659.815.398

7. Tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Phần mềm máy tính	Đơn vị tính: VND
		Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ vô hình		
Số dư ngày 01/01/2015	2.696.699.470	2.696.699.470
Số dư ngày 30/06/2015	2.696.699.470	2.696.699.470
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư ngày 01/01/2015	1.979.366.141	1.979.366.141
Khấu hao trong kỳ	112.000.002	112.000.002

Mẫu số B 09a - CTCK

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

(tiếp theo)

Số dư ngày 30/06/2015	2.091.366.143	2.091.366.143
Giá trị còn lại		
- Tại ngày 01/01/2015	717.333.329	717.333.329
- Tại ngày 30/06/2015	605.333.327	605.333.327

8. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	Số lượng		Giá trị theo sổ kế toán	
	30/06/2015	01/01/2015	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
Đầu tư dài hạn khác			28.350.000.000	28.350.000.000
Uỷ quyền cho Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Phú Điền đại diện góp vốn vào các dự án:			25.350.000.000	25.350.000.000
+ Dự án xử lý nước thải Từ Sơn			25.175.000.000	25.175.000.000
+ Dự án xử lý nước thải Cửa Lò			175.000.000	175.000.000
Công ty CP Công nghiệp Khoáng sản Vị Xuyên	300.000	300.000	3.000.000.000	3.000.000.000

9. Chi phí trả trước dài hạn

	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
Chi phí hoàn thiện văn phòng, hệ thống mạng	814.871.108	1.054.658.336
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	683.486.783	949.946.323
Tổng cộng	1.498.357.891	2.004.604.659

10. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán

	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung hằng năm lũy kế	4.286.290.259	3.765.362.888
Tiền lãi phân bổ hàng năm lũy kế	1.814.197.928	1.504.759.054
Tổng cộng	6.220.488.187	5.390.121.942

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Khoản mục	01/01/2015	Số phải nộp	Số đã nộp	Đơn vị tính: VND
				30/06/2015
Thuế GTGT hàng nội địa	22.887.552	123.386.304	55.022.469	91.251.387
Thuế TNDN	(1.166.193.687)	-	-	(1.166.193.687)
Thuế thu nhập cá nhân	1.138.309.869	1.464.113.981	1.792.065.469	810.358.381

Mẫu số B 09a - CTCK

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

(tiếp theo)

Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng thuế và các khoản phải thu Nhà nước	1.166.193.687			1.166.193.687
Cộng thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1.161.197.421			901.609.768
12. Chi phí phải trả				
			30/06/2015	01/01/2015
			VND	VND
Chi phí giao dịch phải trả HNX và HOSE			221.137.517	110.652.527
Trích trước chi phí lương thưởng cuối năm			270.000.000	320.000.000
Chi phí điện nước			81.000.000	66.000.000
Hỗ trợ vận hành hệ thống giao dịch			414.000.000	-
Chi phí phải trả khác			32.400.000	32.500.000
Tổng cộng			1.018.537.517	529.152.527
13. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán				
			30/06/2015	01/01/2015
			VND	VND
Phải trả tiền đặt cọc mua cổ phần			-	1.348.740.850
Tổng cộng			-	1.348.740.850
14. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác				
			30/06/2015	01/01/2015
			VND	VND
Kinh phí công đoàn			12.109.137	8.216.160
Nhận tiền gửi của nhà đầu tư			67.886.634.753	30.584.431.877
Tổng cộng			67.898.743.890	30.592.648.037

15. Vốn chủ sở hữu**15.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VNĐ
				Tổng cộng
Số dư ngày 01/01/2014	135.000.000.000	(5.715.000.000)	7.440.355.219	136.725.355.219
Lãi trong năm	-	-	435.182.386	435.182.386
Phân phối các quỹ	-	-	(43.518.238)	(43.518.238)
Số dư ngày 01/01/2015	135.000.000.000	(5.715.000.000)	7.832.019.367	137.117.019.367
Lỗ trong kỳ	-	-	(2.691.794.518)	(2.691.794.518)
Số dư ngày 30/06/2015	135.000.000.000	(5.715.000.000)	5.140.224.849	134.425.224.849

Mẫu số B 09a - CTCK

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

(tiếp theo)

15.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Các cổ đông của Công ty	131.825.000.000	131.825.000.000
Cổ phiếu quỹ	3.175.000.000	3.175.000.000
Tổng cộng	135.000.000.000	135.000.000.000

15.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ ngày 01/01/2015 đến 30/06/2015	Từ ngày 01/01/2014 đến 30/06/2014
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	135.000.000.000	135.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	135.000.000.000	135.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

15.4 Cổ phiếu

	30/06/2015	01/01/2015
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.500.000	13.500.000
Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng	13.500.000	13.500.000
Cổ phiếu phổ thông	13.500.000	13.500.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	(317.500)	(317.500)
Cổ phiếu phổ thông	(317.500)	(317.500)
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.182.500	13.182.500
Cổ phiếu phổ thông	13.182.500	13.182.500
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng		

15.5 Các quỹ của doanh nghiệp

Khoản mục	Đơn vị tính: VND			
	01/01/2015	Tăng trong năm	Giảm trong năm	30/06/2015
Quỹ dự phòng tài chính	21.759.119	-	-	21.759.119
Quỹ khác thuộc vốn CSH	21.759.119	-	-	21.759.119
Tổng cộng	43.518.238	-	-	43.518.238

Mẫu số B 09a - CTCK

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

(tiếp theo)

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**16. Doanh thu**

	Từ ngày 01/01/2015 đến 30/06/2015	Từ ngày 01/01/2014 đến 30/06/2014
	VND	VND
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	3.945.496.181	7.108.392.875
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	264.600	231.900
Doanh thu hoạt động tư vấn	2.603.025.411	1.598.894.127
Doanh thu lưu ký chứng khoán	108.040.472	179.809.942
Doanh thu khác	1.810.714.400	3.098.133.883
Tổng cộng	8.467.541.064	11.985.462.727

17. Chi phí hoạt động kinh doanh

	Từ ngày 01/01/2015 đến 30/06/2015	Từ ngày 01/01/2014 đến 30/06/2014
	VND	VND
Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán	2.033.284.761	2.327.589.040
Chi phí hoạt động tư vấn	-	41.203.635
Chi phí hoạt động lưu ký chứng khoán	145.517.588	196.461.640
Trích lập dự phòng	808.300	-
Hoàn nhập dự phòng	-	(963.548)
Chi phí khác	132.100.374	187.610.994
Chi phí trực tiếp chung	4.910.262.008	3.194.976.845
- Chi phí nhân viên	2.656.234.789	1.737.676.464
- Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ	249.619.701	69.963.063
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	91.114.290	143.720.329
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.913.293.228	1.243.616.989
Tổng cộng	7.221.973.031	5.946.878.606

18. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ ngày 01/01/2015 đến 30/06/2015	Từ ngày 01/01/2014 đến 30/06/2014
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	2.734.048.609	2.085.800.304
Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ	452.068.958	286.054.298
Chi phí khấu hao tài sản cố định	141.528.369	159.278.189
Thuế, phí và lệ phí	7.480.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	602.327.370	644.561.498
Tổng cộng	3.937.453.306	3.178.694.289

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

(tiếp theo)

19. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ ngày 01/01/2015 đến 30/06/2015	Từ ngày 01/01/2014 đến 30/06/2014
	VND	VND
Doanh thu chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	8.467.367.219	11.985.233.027
Chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp	11.159.426.337	9.125.572.895
Lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	(2.692.059.118)	2.859.660.132
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	22%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	571.932.026

20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ ngày 01/01/2015 đến 30/06/2015	Từ ngày 01/01/2014 đến 30/06/2014
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(2.691.794.518)	2.287.960.006
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(2.691.794.518)	2.287.960.006
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	13.182.500	13.182.500
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(204)	174

Mẫu số B 09a - CTCK

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015
(tiếp theo)

21. Báo cáo bộ phận

21.1 Báo cáo bộ phận chính yếu: theo khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam, do đó Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

21.2 Báo cáo bộ phận chính yếu: theo lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong 04 lĩnh vực kinh doanh chính là Môi giới chứng khoán, lưu ký chứng khoán, đầu tư chứng khoán và góp vốn, tư vấn và doanh thu khác. Công ty lập báo cáo bộ phận theo bốn bộ phận kinh doanh này.

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

Chỉ tiêu	Môi giới chứng khoán và lưu ký chứng khoán	Đầu tư chứng khoán và góp vốn	Tư vấn	Doanh thu khác	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5 = 1 + 2 + 3 + 4)
Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh	4.053.536.653	264.600	2.603.025.411	1.810.714.400	8.467.541.064
Chi phí bộ phận trực tiếp	2.178.802.349	808.300	-	-	2.179.610.649
Chi phí không phân bổ	-	-	-	-	5.042.362.382
Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	1.874.734.304	(543.700)	2.603.025.411	1.810.714.400	1.245.568.033
Tài sản bộ phận trực tiếp	37.150.758.067	28.710.790.712	102.000.000	26.666.000.000	92.629.548.779
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	113.105.002.623
Tổng tài sản	37.150.758.067	28.710.790.712	102.000.000	26.666.000.000	205.734.551.402
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	68.521.772.270	-	1.222.029.010	-	69.743.801.280
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	1.522.007.035
Tổng nợ phải trả	68.521.772.270	-	1.222.029.010	-	71.265.808.315

Đơn vị tính: VND

Mẫu số B 09a - CTCK

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

(tiếp theo)

22. Công cụ tài chính**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

Công nợ tài chính

	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
Các khoản vay	-	-
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	122.269.066.046	91.052.299.204
Nợ thuần	(122.269.066.046)	(91.052.299.204)
Vốn chủ sở hữu	134.468.743.087	137.160.537.605
Tỷ lệ nợ trên vốn chủ sở hữu	(0,91)	(0,66)

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số IV.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	122.269.066.046	91.052.299.204
Phải thu khách hàng và phải thu khác	26.477.238.753	30.305.272.917
Các khoản đầu tư tài chính	46.358.460.048	40.357.431.548
Tổng cộng	195.104.764.847	161.715.003.669
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	68.081.729.895	30.604.169.757
Chi phí phải trả	1.018.537.517	529.152.527
Tổng cộng	69.100.267.412	31.133.322.284

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng cho giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

Mẫu số B 09a - CTCK

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

(tiếp theo)

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp

Quản lý rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng cộng VND
30/06/2015			
Phải trả người bán và phải trả khác	68.081.729.895	-	68.081.729.895
Chi phí phải trả	1.018.537.517	-	1.018.537.517
	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng cộng VND
01/01/2015			
Phải trả người bán và phải trả khác	30.604.169.757	-	30.604.169.757
Chi phí phải trả	529.152.527	-	529.152.527

Công ty đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Tổng giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Mẫu số B 09a - CTCK

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

(tiếp theo)

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó (nếu có). Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng cộng VND
30/06/2015			
Tiền và các khoản tương đương tiền	122.269.066.046	-	122.269.066.046
Phải thu khách hàng và phải thu khác	26.477.238.753	-	26.477.238.753
Các khoản đầu tư tài chính	18.008.427.748	28.350.032.300	46.358.460.048
	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng cộng VND
01/01/2015			
Tiền và các khoản tương đương tiền	91.052.299.204	-	91.052.299.204
Phải thu khách hàng và phải thu khác	30.305.272.917	-	30.305.272.917
Các khoản đầu tư tài chính	12.007.389.748	28.350.041.800	40.357.431.548

23. Các khoản tiền và tương đương tiền doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng

	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
Các khoản tiền nhận ký quỹ, ký cược của nhà đầu tư	67.886.634.753	30.584.431.877
Tổng cộng	67.886.634.753	30.584.431.877

VII. Những thông tin khác

1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc trên các khía cạnh trọng yếu không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015.

2. Thông tin với các bên liên quan

2.1 Thu nhập Ban Tổng Giám đốc

	Từ ngày 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ ngày 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Lương	630.000.000	570.000.000
Tổng cộng	630.000.000	570.000.000

Mẫu số B 09a - CTCK

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

(tiếp theo)

3. Các thông tin khác

3.1 Tài sản dài hạn khác

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Đặt cọc tiền thuê nhà cho Công ty TNHH MTV Nguyễn Du	285.196.628	285.196.628
Ký quỹ, ký cược dài hạn khác	10.000.000	10.000.000
Tổng cộng	295.196.628	295.196.628

3.2 Người mua trả tiền trước

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Cảng Quảng Ninh	225.500.000	110.000.000
Công ty Cổ phần Thuốc thú y Trung Ương I	71.500.000	71.500.000
Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Hà Đông	69.000.000	-
Công ty TNHH MTV Công trình công cộng và DV du lịch Hải Phòng	50.000.000	50.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Quang	49.500.000	49.500.000
Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bắc Ninh	49.500.000	-
Chi nhánh Xí nghiệp Môi trường đô thị huyện Thanh Trì	49.500.000	-
Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam	49.279.010	49.279.010
Công ty TNHH MTV Bao Bì 277 Hà Nội	44.000.000	44.000.000
Công ty TNHH MTV Cấp Thoát Nước Quảng Bình	44.000.000	25.000.000
Công ty TNHH MTV Đảm bảo Giao thông đường thủy Hải Phòng	40.000.000	-
Các đối tượng khác	480.250.000	470.600.000
Tổng cộng	1.222.029.010	869.879.010

4. Số liệu so sánh

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014 và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC.

Hà Nội, ngày 15 tháng 07 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Thành viên thường trực

Hội đồng quản trị

Quyền Tổng Giám đốc





Trần Thị Thu Hương

Nguyễn Thị Khanh

Ngô Hà Chi